TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Ông **Ngô Tiến Thành**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Trưng** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 862/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2020 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Quang C** - Sinh năm 1972
Địa chỉ: 213KA khóm P, phường T, thành phố T. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Thùy L**- Sinh năm 1972
Địa chỉ: 31 đường Đ, phường P, thành phố T. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Quang C trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/01/2020: Tôi và cô Nguyễn Ngọc Thùy L chung sống với nhau từ năm 1992, đến năm 1997 chúng tôi mới đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tôi và cô L đã ly thân từ năm 2017 mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Vì vậy, tôi xin ly hôn với cô L.

Tôi và cô L có 02 con chung là Trần Thị Thanh T sinh ngày 11/6/1993 và Trần Hữu T sinh ngày 23/7/1996. Cả hai con chung đều đã trưởng thành khỏe mạnh.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thùy L trình bày tại bản tự khai ngày 07/5/2020: Tôi và ông Trần Quang C tự nguyện kết hôn với nhau. Nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau nữa, vợ chồng đã ly thân nên tôi đồng ý ly hôn với ông C.

Tôi và ông C có 02 con chung là Trần Thị Thanh T sinh ngày 11/6/1993 và Trần Hữu T sinh ngày 23/7/1996. Cả hai con chung đều đã trưởng thành khỏe mạnh.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về tài sản chung, không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Việc ông Trần Quang C khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thùy L, xét yêu cầu khởi kiện của ông C là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Ông C và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Quang C và bà Nguyễn Ngọc Thùy L.

** Về nội dung vụ án:* Ông Trần Quang C và bà Nguyễn Ngọc Thùy L tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường S – thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 12/12/1997. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của ông C và bà L không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C.

- Về con chung: Ông Trần Quang C và bà Nguyễn Ngọc Thùy L có 02 con chung là Trần Thị Thanh T sinh ngày 11/6/1993 và Trần Hữu T sinh ngày 23/7/1996. Cả hai con chung đều đã trưởng thành khỏe mạnh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Trần Quang C phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Ông Trần Quang C được ly hôn bà Nguyễn Ngọc Thùy L.

2/ Về con chung Cả hai con chung đều đã trưởng thành khỏe mạnh.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Ông Trần Quang C phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông C đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015759 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, ông Trần Quang C đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
-UBND phường S -Tp. T -tỉnh H
(Giấy CNKH số 94 ngày 12/12/1997);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung